

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1415/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực An toàn thực phẩm, An toàn thực phẩm và dinh dưỡng
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở An toàn thực phẩm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm Thành phố tại Tờ trình số 774 /TTr-SATTP ngày 12 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 04 (bốn) quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo các tiêu chí, phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở An toàn thực phẩm.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ: <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình số 03, 04, 05 ban hành kèm theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm; bãi bỏ quy trình số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về phê duyệt quy

trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một ngày làm việc thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.	
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).	
03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng; thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)	
Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng		
04	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 01

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với
cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm
(trường hợp cấp lần đầu; trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm
có tăng về cơ sở kinh doanh)

(Ban hành kèm Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (BM 04).	01	Bản chính
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.	01	Bản sao
3.	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất (BM 05), đối với cơ sở kinh doanh (BM 06) hoặc cả theo BM 05 và BM 06 với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh.	01	Bản chính
4.	Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở
5.	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở (BM 13)	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí/lệ phí
<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Công Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn.</p>	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/01 lần/cơ sở.</p> <p>+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/01 lần/cơ sở.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC¹

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03 BM 09	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo</p>

¹ Thực hiện cắt giảm bước xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>BM 03.</p> <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở nộp phí, sau khi cơ sở nộp phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Tiếp nhận hồ	Bộ phận Tiếp nhận	01 ngày làm	Theo mục	- Đối với hồ sơ mới: Tiếp nhận hồ sơ và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	sơ	và Trả kết quả	việc	I BM 01 BM 09	chuyển công chức phòng Cấp phép chuyên B3 - Đối với hồ sơ chờ hoàn thiện bổ sung: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép chuyên B8.
B3	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B4	Xem xét ký nháy lịch thẩm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép;	01 ngày làm việc	Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B5	Duyệt lịch thẩm định	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B6	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định phòng Cấp phép	11 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào biên bản thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định đạt hoặc không đạt chuyển B7. + Trường hợp kết quả thẩm định chờ hoàn thiện bổ sung: tạm dừng 60 ngày chuyển B8. + Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị chuyển qua B7.
B7	Trường hợp: Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả đạt hoặc không đạt				
B7.1	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận. + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B7.2	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình Ban Giám đốc Sở.
B7.3	Ký duyệt	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển B9.
B8	Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả chờ hoàn thiện bổ sung 60 ngày <i>(Sau khi cơ sở nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định lại đơn vị có 15 ngày làm việc để xử lý tính từ khi cơ sở nộp báo cáo khắc phục)</i>				
B8.1	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				BM 09	
B8.2	Xem xét ký nháy lịch thẩm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép;	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B8.3	Duyệt lịch thẩm định	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B8.4	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định Phòng Cấp phép	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08 BM 09	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào Biên bản thẩm định.
B8.5	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Tờ trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng + Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận. + Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B8.6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình; - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình Ban Giám đốc Sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B8.7	Ký duyệt	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B9	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP

8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
3.	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP

8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT
14.	/	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị Quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----
*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20..***ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):

Địa điểm tại:

Điện thoại: Fax:

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm):

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
 - Cơ sở kinh doanh^{1,2}
 - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
 - Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm
- (tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:-
-
-
-**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**
(Ký tên, đóng dấu)

(1) :Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2) :Danh sách nhóm sản phẩm

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)*

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	

2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	

6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách

nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở kinh doanh)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):..... ..

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...***BIÊN BẢN****Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm**

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm

Đoàn thẩm định gồm có:

- 1..... Trưởng đoàn
- 2..... Thành viên
- 3..... Thành viên
- 4..... Thành viên
- 5..... Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Chủ cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):

- Điện thoại..... Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm số:
- Diện tích mặt bằng:
- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng				
	- Kho nguyên liệu	A			
	- Kho bao bì	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu vực sản xuất	A			
	- Khu vực đóng gói	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
4	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh	A			
5	Hệ thống chiếu sáng	B			
6	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
7	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất	A			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm	A			
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ	B			

5	Thiết bị giám sát	B			
6	Phương tiện rửa và khử trùng tay	A			
7	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu	A			
8	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại	A			
III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

- a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở:
- b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:
- c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

.....

3. Kết luận:

(Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN**Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm**

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm ...

Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thành viên
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thành viên

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Chủ cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại Fax

- Mặt hàng kinh doanh:
- Hồ sơ tự công bố chất lượng hàng hóa số (nếu có):
- Diện tích mặt bằng: Diện tích kho:
- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí, kết cấu các khu vực cơ sở	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu trưng bày sản phẩm	A			
4	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
5	Nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm kinh doanh	A			
6	Nguồn nước dùng để vệ sinh dụng cụ đối với sản phẩm bao gói đơn giản, không bao gói	A			
7	Hệ thống nước đá bảo quản (nếu sử dụng)	B			
8	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
9	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm	A			
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm	A			
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay	B			
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)	B			
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)	B			
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại	B			

8	Dụng cụ, thiết bị giám sát	B			
III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO NHÓM SẢN PHẨM

TT	Tên nhóm sản phẩm	Đánh giá			Ghi chú
		Đạt	Chờ hoàn thiện	Không đạt	
I	Các nhóm sản phẩm do Bộ Y tế quản lý				
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)				
2	Thực phẩm chức năng				
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm				
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm				
5	Các sản phẩm khác không được quy định 5 tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
II	Các nhóm sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý				
1	Ngũ cốc				
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt				
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)				
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả				
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng				
6	Sữa tươi nguyên liệu				
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong				
8	Thực phẩm biến đổi gen				
9	Muối				
10	Gia vị				
11	Đường				
12	Chè				
13	Cà phê				
14	Cacao				
15	Hạt tiêu				
16	Điều				
17	Nông sản thực phẩm khác				
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân				

	công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.				
III	Các nhóm sản phẩm do Bộ Công Thương quản lý				
1	Bia				
2	Rượu, cồn và đồ uống có cồn				
3	Nước giải khát				
4	Sữa chế biến				
5	Dầu thực vật				
6	Bột, tinh bột				
7	Bánh, mứt, kẹo				

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét (ghi cụ thể lý do những mục “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”)

a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất:

b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Biên bản kết thúc lúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm***BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi:

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

2. Địa chỉ Cơ sở:

3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng... năm ... của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN****CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM****SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CHỨNG NHẬN**

Cơ sở:

Loại hình sản xuất: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...***GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)*

Số cấp:/GCNATTP-SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến

ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP- SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi⁽²⁾ và nhóm sản phẩm⁽³⁾
trong danh mục kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP- SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP- SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

BM 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất, kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP- SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngàythángnăm 20 ...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP- SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

BM 13

Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT

...(tên đơn vị xác nhận).... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

..., ngày.....tháng năm

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/ đóng dấu)

Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

Số:...../20.../XNTHKTATTP

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
-----------	------------------	------------	-----------	---	---	---

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 02

**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở
sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

**(trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy
trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (BM 04).	01	Bản chính
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.	01	Bản sao
3.	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất (BM 05), đối với cơ sở kinh doanh (BM 06) hoặc cả theo BM 05 và BM 06 với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh .	01	Bản chính
4.	Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở
5.	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở (BM 13)	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí/lệ phí
<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Công Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p>	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/01lần/cơ sở.</p> <p>+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/01 lần/cơ sở.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC¹

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo</p>

¹ Thực hiện cắt giảm bước xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>BM 03</p> <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở nộp phí, sau khi cơ sở nộp phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Tiếp nhận hồ	Bộ phận Tiếp nhận	01 ngày làm	Theo mục	- Đối với hồ sơ mới: Tiếp nhận hồ sơ và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	sơ	và Trả kết quả	việc	I BM 01 BM 09	chuyển công chức phòng Cấp phép chuyển B3 - Đối với hồ sơ chờ hoàn thiện bổ sung: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép chuyển B8.
B3	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B4	Xem xét ký nháy lịch thẩm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B5	Duyệt lịch thẩm định	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B6	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định phòng Cấp phép	11 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào biên bản thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định đạt hoặc không đạt chuyển B7. + Trường hợp kết quả thẩm định chờ hoàn thiện bổ sung: tạm dừng 60 ngày chuyển B8. + Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị chuyển qua B7.
B7	Trường hợp: Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả đạt hoặc không đạt				
B7.1	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng. + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B7.2	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình Ban Giám đốc Sở.
B7.3	Ký duyệt	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển B9.
B8	Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả chờ hoàn thiện bổ sung 60 ngày <i>(Sau khi cơ sở nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định lại đơn vị có 15 ngày làm việc để xử lý tính từ khi cơ sở nộp báo cáo khắc phục)</i>				

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B8.1	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 09	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B8.2	Xem xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng Cấp phép;	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 09 Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B8.3	Duyệt lịch thẩm định	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 09 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B8.4	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định Phòng Cấp phép	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08 BM 09	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào Biên bản thẩm định.
B8.5	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng. + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B8.6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình Ban Giám đốc Sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B8.7	Ký duyệt	Ban Giám đốc Sở	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển B9.
B9	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định

		17/2020/NĐ-CP
8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở

		kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT
14.		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị Quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

BM 04

Mẫu số 01b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20 ...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm TP.HCM

Tên cơ sở đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này):.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ*Ký tên*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hon sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở kinh doanh)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):..... ..

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...***BIÊN BẢN****Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm**

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm

Đoàn thẩm định gồm có:

- 1..... Trưởng đoàn
- 2..... Thành viên
- 3..... Thành viên
- 4..... Thành viên
- 5..... Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Chủ cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):

- Điện thoại..... Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm số:
- Diện tích mặt bằng:
- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng				
	- Kho nguyên liệu	A			
	- Kho bao bì	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu vực sản xuất	A			
	- Khu vực đóng gói	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
4	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh	A			
5	Hệ thống chiếu sáng	B			
6	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
7	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất	A			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm	A			

4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ	B			
5	Thiết bị giám sát	B			
6	Phương tiện rửa và khử trùng tay	A			
7	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu	A			
8	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại	A			
III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

- a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở:
- b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:
- c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

.....

3. Kết luận:

(Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...***BIÊN BẢN****Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm**

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm ...

Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thành viên
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thành viên

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Chủ cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại Fax
- Mặt hàng kinh doanh:

- Hồ sơ tự công bố chất lượng hàng hóa số (nếu có):
- Diện tích mặt bằng: Diện tích kho:
- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí, kết cấu các khu vực cơ sở	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu trưng bày sản phẩm	A			
4	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
5	Nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm kinh doanh	A			
6	Nguồn nước dùng để vệ sinh dụng cụ đối với sản phẩm bao gói đơn giản, không bao gói	A			
7	Hệ thống nước đá bảo quản (nếu sử dụng)	B			
8	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
9	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm	A			
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm	A			
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay	B			
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)	B			
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)	B			
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại	B			

8	Dụng cụ, thiết bị giám sát	B			
III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO NHÓM SẢN PHẨM

TT	Tên nhóm sản phẩm	Đánh giá			Ghi chú
		Đạt	Chờ hoàn thiện	Không đạt	
I	Các nhóm sản phẩm do Bộ Y tế quản lý				
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)				
2	Thực phẩm chức năng				
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm				
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm				
5	Các sản phẩm khác không được quy định 5 tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
II	Các nhóm sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý				
1	Ngũ cốc				
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt				
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)				
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả				
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng				
6	Sữa tươi nguyên liệu				
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong				
8	Thực phẩm biến đổi gen				
9	Muối				
10	Gia vị				
11	Đường				
12	Chè				
13	Cà phê				
14	Cacao				
15	Hạt tiêu				
16	Điều				
17	Nông sản thực phẩm khác				
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân				

	công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.				
III	Các nhóm sản phẩm do Bộ Công Thương quản lý				
1	Bia				
2	Rượu, cồn và đồ uống có cồn				
3	Nước giải khát				
4	Sữa chế biến				
5	Dầu thực vật				
6	Bột, tinh bột				
7	Bánh, mứt, kẹo				

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét (ghi cụ thể lý do những mục “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”)

a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất:

b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Biên bản kết thúc lúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi:

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

2. Địa chỉ Cơ sở:

3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi⁽²⁾ và nhóm sản phẩm⁽³⁾
trong danh mục kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất, kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngàythángnăm 20 ...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

BM 13

Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT

(tên đơn vị xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

..., ngày.....tháng năm
CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN
(ký tên/ đóng dấu)

Mẫu 02. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm (Đối với tập thể)**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT ngày tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc....

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: cấp ngày: nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng.... năm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Địa danh, ngày.....tháng năm....

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN
(ký tên/đóng dấu)

Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
Số:...../20.../XNTHKTATTP

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
-----------	------------------	------------	-----------	---	---	---

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 03

**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở
sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

**(Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng; thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ
cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh;
thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ
quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu)	01	Bản chính
2. Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp	01	Bản sao có xác nhận của chủ cơ sở
3	Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở	01	
3. Trường hợp thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp.	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở
3	Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác	01	Bản sao có

nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.	xác nhận của cơ sở
--	--------------------

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Công Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p>	<p>Một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.¹</p> <p>Sau 15 giờ, hồ sơ được tính qua ngày hôm sau.</p>	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả			<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p>

¹ Sở An toàn thực phẩm thực hiện rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</p> <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7,</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					chủ nhật.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ làm việc	Mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý Phòng Cấp phép
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên thụ lý hồ sơ, phòng Cấp phép	3.5 giờ làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo BM 05 (theo loại hình)/Văn bản từ chối cấp lại	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp lại: Dự thảo văn bản thông báo từ chối cấp lại nêu rõ lý do
B4	Xem xét, ký nháy	Lãnh đạo phòng Cấp phép	1.5 giờ làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo BM 05 (theo loại hình)/Văn bản từ chối cấp lại	Xem xét hồ sơ và ký tắt Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp lại trình Ban Giám đốc Sở.
B5	Ký ban hành	Ban Giám đốc Sở	01 giờ làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo BM 05 (theo loại hình)/Văn bản từ chối cấp lại	Xem xét và ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp lại.
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	01 giờ làm việc	Mục I BM 01 BM 05 (theo loại	Cho số, vào sổ, đóng dấu Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp lại chuyển cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				hình)/Văn bản từ chối cấp lại	kết quả.
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho cơ sở. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.
5	BM 05	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu ban hành kèm Nghị định số 17/2020/NĐ-CP (Mẫu 05a đối với cơ sở sản xuất thực phẩm; Mẫu 05b đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm; Mẫu 05c đối với cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

5	BM 05	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu ban hành kèm Nghị định số 17/2020/NĐ-CP. (Mẫu 05a đối với cơ sở sản xuất thực phẩm; Mẫu 5b đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm; Mẫu 5c đối với cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm)
6	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị Quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 01b

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP
ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Tên cơ sở đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (*ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này*):.....

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05a

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP
ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP- SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến

ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

Mẫu số 05b

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP
ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

*(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi⁽²⁾ và nhóm sản phẩm⁽³⁾
trong danh mục kèm theo)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến

ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

Mẫu số 05c

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP
ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất, kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP- SATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến

ngàythángnăm 20 ...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-SATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 04

**Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học,
thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng
dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi**

*(Ban hành kèm Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo (theo mẫu)	01	Bản chính
2.	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận	01	Bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân
3.	Mẫu nhãn sản phẩm.	01	Bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân
4.	Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong file mềm đính kèm; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo.	01	Bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân
5.	Đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm thì phải có tài liệu khoa học chứng minh.	01	Bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân

Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ THU PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí
<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Cổng Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn.</p>	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ¹	1.100.000 đồng/lần/sản phẩm

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Tiếp nhận qua Cổng</p>

¹ Sở An toàn thực phẩm thực hiện thời hạn giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc giảm còn 08 ngày làm việc.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở nộp phí, sau khi cơ sở nộp phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận trừ thứ 7, chủ nhật.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông.
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông	3.5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 - Phiếu thẩm xét - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đạt: In Giấy xác nhận nội dung quảng cáo. + Trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung: Dự thảo văn bản trả lời cơ sở trong đó nêu rõ lý do.
B4	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông	02 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông xem xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đạt: Ký nháy Giấy xác nhận nội dung quảng cáo. + Trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung: Ký nháy dự thảo văn bản trả lời cơ sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ ký duyệt Giấy xác nhận nội dung quảng cáo hoặc văn bản trả lời cơ sở.
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. - Khi cơ sở nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thực hiện quy trình từ B1. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo
5.	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo
6.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
3.	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
4.	BM 04	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo
5.	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo
6.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 năm 2010;
- Văn bản hợp nhất Luật Quảng cáo số 47/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị Quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /Ký hiệu tên đơn vị

.....¹....., ngày..... tháng.... năm 20....**ĐƠN ĐĂNG KÝ****Xác nhận nội dung quảng cáo****Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên đơn vị đăng ký xác nhận:

2. Địa chỉ trụ sở:²

.....

Điện thoại: Fax:

Đề nghị đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với:

STT	Tên sản phẩm	Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công sản phẩm	Ngày tiếp nhận đăng ký bản công bố

Phương tiện quảng cáo:

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ, tài liệu:

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung khi đã được xác nhận.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo./.

Giám đốc hoặc đại diện hợp pháp của đơn vị*Ký tên**(Ghi họ tên đầy đủ, chức danh)**Đóng dấu*¹ Địa danh² Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /XNQC-...¹...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng.... năm 20...

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

STT	Tên sản phẩm	Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố

Phương tiện quảng cáo:

.....
.....

Có nội dung quảng cáo (đính kèm) đã được duyệt phù hợp với quy định hiện hành.

Yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.

Cơ quan xác nhận
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận nội dung